

Số: 42/2023/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
cho công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng
11 năm 2020;*

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 03 năm 2021;

*Căn cứ Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử
lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 62/2022/TT-BTC ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân
sách nhà nước thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma
túy bắt buộc; công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng, cơ sở
cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy;*

*Xét Tờ trình số 167/TTr-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của
đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, công tác cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

b) Người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

c) Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

Điều 2. Quy định nội dung, mức hỗ trợ cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Chi phí mai táng đối với trường hợp người cai nghiện bắt buộc chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở mà không có thân nhân hoặc thân nhân không đến nhận trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm người cai nghiện bắt buộc chết: Mức hỗ trợ bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội.

2. Chi hỗ trợ cho cơ sở cai nghiện ma túy công lập để thực hiện chế độ, chính sách cho 01 lần cai nghiện (thời gian tối đa 06 tháng) đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập đang thường trú tại tỉnh Bắc Giang, bao gồm các khoản sau:

a) Tiền ăn bằng 0,8 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng; ngày Lễ, Tết dương lịch, mức ăn bằng 04 lần tiêu chuẩn ngày thường; ngày Tết Nguyên đán, mức ăn bằng 06 lần tiêu chuẩn ngày thường; số ngày Lễ, ngày Tết theo quy định của pháp luật.

b) Tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh (đối với người cai nghiện tự nguyện là nữ) bằng 0,9 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/lần cai nghiện.

c) Hỗ trợ 100% chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, xét nghiệm tìm chất ma túy và các xét nghiệm khác, thuốc hỗ trợ cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh cơ hội khác, thuốc chữa bệnh thông thường.

d) Chi thực hiện công tác tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật theo các chuyên đề, nội dung chi theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở: 350.000 đồng/người/lần cai nghiện.

đ) Chi tiền điện, nước sinh hoạt: 100.000 đồng/người/tháng.

e) Chi hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao: 100.000 đồng/người/lần cai nghiện.

Điều 3. Quy định nội dung, mức hỗ trợ cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Chi thù lao hàng tháng đối với người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ các đối tượng cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, mức hỗ trợ bằng 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/ tháng; số đối tượng được giao cho 01 người quản lý tại cấp xã theo số thực tế, nhưng tối đa không quá: 03 đối tượng/01 người được giao nhiệm vụ quản lý đối với các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 05 đối tượng/01 người được giao nhiệm vụ quản lý đối với các xã, phường, thị trấn còn lại.

2. Chi hỗ trợ 01 lần kinh phí cai nghiện đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng khi hoàn thành ít nhất 03 giai đoạn theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP: Mức hỗ trợ bằng 2,8 lần mức lương cơ sở hiện hành, bao gồm các khoản sau:

a) Chi hỗ trợ cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy ở cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng gồm: Dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế, đánh giá mức độ nghiện, thuốc cắt con, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh cơ hội khác (nếu có); công tác chăm sóc, điều trị người nghiện ma túy trong thời gian cắt con, giải độc; công tác giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách: Mức hỗ trợ bằng 2,2 lần mức lương cơ sở hiện hành.

b) Chi hỗ trợ cho cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng tổ chức ăn hàng ngày cho người cai nghiện trong thời gian cắt con, giải độc nội trú: Mức hỗ trợ bằng 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành (thời gian tối đa 20 ngày).

Điều 4: Quy định nội dung, mức hỗ trợ cho công tác tổ chức quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú

Chi hỗ trợ người được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý, xã hội, quản lý, hỗ trợ người bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại cấp xã theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, mức hỗ trợ bằng 0,6 lần mức lương cơ sở hiện hành/người/tháng; số đối tượng được giao cho 01 người quản lý tại cấp xã theo số thực tế, nhưng tối đa không quá: 03 đối tượng/01 người được giao nhiệm vụ quản lý đối với các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và 05 đối tượng/01 người được giao nhiệm vụ quản lý đối với các xã, phường, thị trấn còn lại.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Ngân sách cấp tỉnh: Bảo đảm kinh phí đối với người cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập thuộc tỉnh quản lý trong dự toán hàng năm của đơn vị.

2. Ngân sách các huyện, thành phố: Bảo đảm kinh phí chi hỗ trợ cho công tác tổ chức cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú trên địa bàn huyện, thành phố.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 05/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các khoản đóng góp và chế độ miễn, giảm đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện ma túy tại cơ sở điều trị nghiện; người cai nghiện ma túy bắt buộc, tự nguyện tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Nghị quyết số 42/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ hỗ trợ và các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023. / *Th*

Nơi nhận: *Th*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thu Hồng